

Giải pháp nâng cao thái độ tích cực học tập môn Thể dục cho học sinh trong các trường trung học phổ thông tỉnh Sơn La

TÓM TẮT:

Việc đánh giá thực trạng yếu tố ảnh hưởng tới thái độ tích cực học tập môn Thể dục cho học sinh (HS) trong các trường trung học phổ thông (THPT) tỉnh Sơn La nhằm rút ra những kết luận khách quan nhất về thực trạng các yếu tố ảnh hưởng tới vấn đề nghiên cứu, từ đó lựa chọn những giải pháp nâng cao thái độ tích cực tập luyện góp phần nâng cao chất lượng công tác Giáo dục thể chất (GDTC) trong các trường THPT tỉnh Sơn La.

Từ khóa: thái độ tích cực học tập, môn học thể dục, học sinh trung học phổ thông.

ABSTRACT:

The assessment of actual affective factors to the positive attitude of physical education for pupils at high schools in Son La province in order to have the most objective conclusions about the current status of the affective factors to the researched aspects, from which choosing resolutions to improve the positive attitude of training and quality of physical education at high school in Son La province.

Keywords: positive attitude, physical education, high school students.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thực tiễn giáo dục cho thấy, chất lượng giáo dục nói chung và chất lượng giáo dục thể chất (GDTC) trong nhà trường các cấp nói riêng, được hình thành và phát triển chủ yếu thông qua các hoạt động tự tìm tòi, khả năng khám phá, sáng tạo trong học tập. Thông qua các hình thức học tập đa dạng và sự tương tác giữa HS và giáo viên (GV), giữa HS với HS. Trong đó, ý thức, thái độ tự giác, tích cực học tập của người học giữ vai trò quyết định. Điều này đã được khẳng định trong lý luận và thực tiễn giáo dục nói chung và GDTC nói riêng, được cụ thể hóa thành các yêu cầu trong nguyên tắc tự giác tích cực. Tuy nhiên, việc vận dụng các phương pháp giáo dục thái độ tự

TS. Nguyễn Bá Diệp



(Ảnh minh họa)

giác, tích cực học tập môn Thể dục cho HS THPT chưa được quan tâm đúng mức và kết quả đạt được còn rất hạn chế. Vì vậy, lựa chọn và ứng dụng một số giải pháp sư phạm vào quá trình dạy học theo hướng phát huy tính tự giác tích cực vận động của HS, góp phần nâng cao chất lượng GDTC cho HS về kiến thức, kỹ năng, thể lực và thái độ học tập là một trong những mục tiêu của đề tài “Giải pháp nâng cao thái độ tích cực học tập môn Thể dục cho HS trong các trường THPT tỉnh Sơn La”.

Trong quá trình nghiên cứu, đề tài sử dụng các phương pháp sau: đọc và phân tích tài liệu; phỏng vấn tọa đàm; thực nghiệm sư phạm; kiểm tra sư phạm và toán học thống kê.

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

2.1. Lựa chọn tiêu chí đánh giá thái độ học tập môn Thể dục cho HS trong các trường THPT tỉnh Sơn La

Có thể đánh giá thái độ học tập của HS trong giờ

học thể dục bằng hình thức quan sát, ghi chép và xử lý các tiêu chí bằng đo đạc, đánh giá định tính mà HS thể hiện trong giờ học thể dục. Dựa vào các tiêu chí đánh giá mà đề tài xây dựng về đánh giá thái độ học tập của HS, đồng thời qua việc phỏng vấn 32 đồng chí là các chuyên gia, các giảng viên có kinh nghiệm của khoa thể dục thể thao (TDTT) trường Đại học Tây Bắc và các giáo viên trong các trường THPT tỉnh Sơn La. Kết quả phỏng vấn lựa chọn các tiêu chí đánh giá thái độ học tập môn Thể dục của HS được trình bày ở bảng 1.

Qua kết quả bảng 1 cho thấy: các ý kiến đánh giá đồng ý với các mức độ đánh giá thái độ học tập môn Thể dục mà đề tài đã lựa chọn, xây dựng chiếm tỷ lệ rất cao, tỷ lệ đồng ý đều đạt từ 87,5% trở lên. Vì vậy, đề tài xác định đây là các mức độ đánh giá thái độ tích cực của HS khi tham gia học tập môn Thể dục bao gồm các mức: rất tích cực, tích cực, bình thường và không tích cực.

2.2. Thực trạng thái độ học tập môn Thể dục của HS trong các trường THPT tỉnh Sơn La

Đề tài tiến hành quan sát (dự giờ) hoạt động của HS nhóm thực nghiệm (NTN) và nhóm đối chứng (NĐC) ở 3 trường mà đề tài tiến hành tổ chức TN, để đánh giá thực trạng dạy – học, đồng thời đánh giá thực trạng thái độ học tập của HS. Thông qua việc phân tích, đánh giá các phiếu quan sát giờ dạy và căn cứ vào bảng phân loại mức độ tích cực của HS (bảng 1) để xác định thái độ học tập môn Thể dục của HS. Kết quả được trình bày ở bảng 2.

Bảng 2 cho thấy, thực trạng thái độ học tập môn Thể dục của HS trong các trường THPT tỉnh Sơn La như sau: có 15,04% HS có thái độ học tập rất tích cực; 27,88% HS tích cực; 43,06% HS bình thường; đặc biệt có đến 14,02% HS có thái độ không tích cực trong học tập. Điều đó chứng tỏ thái độ học tập môn Thể dục của HS các trường THPT tỉnh Sơn La có thái độ

Bảng 1. Kết quả lựa chọn các tiêu chí đánh giá thái độ học tập môn Thể dục của HS trong trường THPT ở Sơn La (n = 32)

Mức độ đánh giá	Các hành vi ý chí	Các hành vi tập trung	Các hành vi chỉ mức độ tham gia hoạt động	Đánh giá n = 32 (đồng ý)	%
Rất tích cực	Kiên trì	Tập trung chú ý cao độ	Học tập một cách chủ động	31	96,8
Tích cực	Kiên trì	Tập trung chú ý	Học đầy đủ nội dung	29	90,6
Bình thường	Không kiên trì	Bị tác động ngoại cảnh	Học thụ động	30	93,7
Không tích cực	Không kiên trì, bỏ tập	Không chú ý	Không tham gia nội dung học tập	28	87,5

Bảng 2. Thực trạng thái độ học tập môn Thể dục của HS trong các trường THPT tỉnh Sơn La

Thái độ	Khối (lớp)	Nam			Nữ			Trung bình	
		n	SL	%	n	SL	%	SL	%
Rất tích cực	10	128	19	14,84	96	16	16,67	103	15,04
	11	121	14	11,57	96	11	11,46		
	12	126	22	17,46	118	21	17,80		
	Tổng	375	55	14,67	310	48	15,48		
Tích cực	10	128	36	28,13	96	21	21,88	191	27,88
	11	121	33	27,27	96	26	27,08		
	12	126	35	27,78	118	40	33,90		
	Tổng	375	104	27,73	310	87	28,06		
Bình thường	10	128	57	44,53	96	37	38,54	295	43,06
	11	121	56	46,28	96	44	45,83		
	12	126	55	43,65	118	46	38,98		
	Tổng	375	168	44,8	310	127	40,96		
Không tích cực	10	128	16	12,50	96	22	22,92	96	14,02
	11	121	18	14,88	96	15	15,63		
	12	126	14	11,11	118	11	9,32		
	Tổng	375	48	12,8	310	48	15,48		

học tập chưa cao, nhất thiết cần phải có giải pháp để nâng cao thái độ học tập cho HS.

2.3. Lựa chọn giải pháp nâng cao thái độ tích cực học tập môn Thể dục cho HS các trường THPT tỉnh Sơn La

Căn cứ định hướng đổi mới giáo dục theo tinh thần của Nghị quyết 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo của Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam.

Căn cứ định hướng đổi mới chương trình và sách giáo khoa theo tinh thần của Nghị quyết số 88/2014/QH13 về đổi mới chương trình sách giáo khoa giáo dục phổ thông ngày 28/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Căn cứ nhu cầu của thực tiễn giáo dục cấp THPT nói chung và tỉnh Sơn La nói riêng trước yêu

cầu đổi mới giáo dục Việt Nam theo hướng căn bản và toàn diện.

Căn cứ kết quả nghiên cứu thực trạng GDTC nội khóa cấp THPT tỉnh Sơn La.

Căn cứ vào sự đồng thuận của cơ quan quản lý giáo dục tỉnh Sơn La.

Đề tài xây dựng và lựa chọn các giải pháp thông qua việc phỏng vấn các chuyên gia, các giảng viên khoa TDTT trường Đại học Tây Bắc và GV có kinh nghiệm trong giảng dạy môn Thể dục ở các trường THPT. Kết quả lựa chọn được trình bày ở bảng 3.

Bảng 3 cho thấy đối tượng được phỏng vấn chủ yếu tập trung đồng ý vào hai giải pháp, các giải pháp có tỷ lệ đồng ý từ 90% trở lên được đề tài lựa chọn để tiến hành TN, đó là:

(1) Nhóm giải pháp: đổi mới khâu chuẩn bị của giáo viên trước khi tiến hành giờ dạy thực hành TDTT.

Bảng 3. Kết quả lựa chọn giải pháp nâng cao thái độ tích cực học tập môn Thể dục cho HS các trường THPT tỉnh Sơn La (n = 32)

TT	Nội dung giải pháp	Đánh giá (n = 32)			
		Đồng ý	%	Không đồng ý	%
1	Đổi mới bài tập rèn luyện KNVD cơ bản theo hướng đảm bảo tính toàn diện về nội dung và phù hợp với khả năng tiếp thu của HS	9	28,13	23	71,87
2	Đổi mới cấu trúc nội dung tiết học thể dục theo hướng đảm bảo tính hợp lý và hiệu quả.	11	34,38	21	65,62
3	Lựa chọn và sử dụng các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo hướng tích cực hóa hoạt động học tập của HS	30	93,75	2	6,25
4	Đổi mới khâu chuẩn bị của GV trước khi tiến hành giờ dạy thực hành TDTT	29	90,63	3	9,37

Bảng 4. So sánh thái độ học tập môn Thể dục của NTN và NDC trước TN

Khối (lớp)	Các biểu hiện về thái độ học tập	Nam			Nữ		
		NTN	NDC	Tổng	NTN	NDC	Tổng
10	Rất tích cực	6	7	13	5	6	11
	Tích cực	9	8	17	8	9	17
	Bình thường	33	34	67	18	23	41
	Không tích cực	18	13	31	16	11	27
	Tổng	66	62	128	47	49	96
	X ²	1,711			1,227		
11	Rất tích cực	5	8	13	4	5	9
	Tích cực	8	10	18	6	7	13
	Bình thường	32	29	61	24	27	51
	Không tích cực	15	14	29	12	11	23
	Tổng	60	61	121	46	50	96
	X ²	1,840			1,427		
12	Rất tích cực	5	7	12	6	8	14
	Tích cực	9	10	19	12	11	23
	Bình thường	28	26	54	27	24	51
	Không tích cực	19	22	41	16	14	30
	Tổng	61	65	126	61	57	118
	X ²	3,943			1,896		

(2) Nhóm giải pháp: lựa chọn và sử dụng các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo hướng tích cực hóa hoạt động học tập của HS.

2.4. Kết quả TN các giải pháp nâng cao thái độ tích cực học tập môn Thể dục cho HS các trường THPT tỉnh Sơn La

Trước khi tiến hành TN, các GV giảng dạy TN đã được tập huấn về chuyên môn, nắm vững nội dung và quy trình triển khai các nhóm giải pháp nêu trên vào hoạt động dạy học, từ khâu chuẩn bị giáo án, cơ sở vật chất (CSVCL)... đến lựa chọn nội dung, hình thức, phương pháp dạy học theo hướng tập trung vào hoạt động học tập của HS là chủ yếu, khuyến khích, động viên và tạo điều kiện để phát huy ở mức cao nhất thái độ tích cực học tập của các em. Đặc biệt trong giáo án giảng dạy NTN, đề tài chú trọng yêu cầu giao bài tập về nhà, động viên và kiểm tra HS thực hiện các bài tập nhằm giáo dục thói quen rèn luyện thể chất thường xuyên, liên tục của các em.

So sánh thái độ học tập môn Thể dục của nhóm NTN (NTN) và nhóm đối chứng (NĐC) trước và sau TN.

Căn cứ vào tần số xuất hiện của các mức độ biểu hiện thái độ học tập môn Thể dục trước khi tiến hành TN của từng nhóm, tiến hành so sánh thái độ học tập môn Thể dục giữa HS NTN và NĐC thông qua test X^2 .

2.4.1. So sánh thái độ học tập môn thể dục của NTN và NĐC trước TN

Để thấy được thái độ học tập môn Thể dục của HS chúng tôi tiến hành so sánh thái độ học tập môn Thể dục của NTN và NĐC trước TN. Kết quả được trình bày tại bảng 4.

Qua bảng 4 cho ta thấy:

So sánh thái độ học tập môn Thể dục của HS khối 10: trước TN, số HS có biểu hiện thái độ tích cực và không tích cực học tập của NTN và NĐC không có khác biệt đáng kể. Kết quả tính X^2 so sánh giữa nam NTN và nam NĐC là 1,711, so sánh giữa nữ NTN và nữ NĐC là 1,227. Với độ tự do bằng 3 và $p = 0,05$, tra bảng X^2 được $X^2_{\text{bảng}} = 7,815$. $X^2_{\text{bảng}} > X^2_{\text{tính}}$ ở tất cả các nhóm so sánh. Như vậy, trước TN không có sự khác biệt về thái độ học tập môn Thể dục của HS NTN và NĐC thuộc khối 10 với $p > 0,05$.

So sánh thái độ học tập môn Thể dục của HS khối 11: trước TN, số HS có biểu hiện thái độ tích cực, bình thường và không tích cực học tập của NTN và NĐC không có khác biệt đáng kể. Kết quả tính χ^2 so sánh giữa nam NTN và nam NĐC là 1,840, so sánh giữa nữ NTN và nữ NĐC là 1,427. Với độ tự do bằng 3 và $P = 0,05$, tra bảng X^2 được $X^2_{\text{bảng}} = 7,815$. $X^2_{\text{bảng}} > X^2_{\text{tính}}$ ở tất cả các nhóm so sánh. Như vậy, trước TN không có sự khác biệt về thái độ học tập môn Thể dục của HS NTN và NĐC thuộc khối 11 với $p > 0,05$.

So sánh thái độ học tập môn Thể dục của HS khối 12: trước TN, số HS có biểu hiện thái độ tích cực và

Bảng 5. So sánh thái độ học tập môn Thể dục của NTN và NĐC sau TN

Khối (lớp)	Các biểu hiện về thái độ học tập	Nam			Nữ		
		NTN	NĐC	Tổng	NTN	NĐC	Tổng
10	Rất tích cực	26	12	38	20	12	32
	Tích cực	19	16	35	13	9	22
	Bình thường	17	28	45	10	23	33
	Không tích cực	4	6	10	4	5	9
	Tổng	66	62	128	47	49	96
	X^2	8,387			7,921		
11	Rất tích cực	20	11	31	19	11	30
	Tích cực	20	18	38	17	16	33
	Bình thường	15	28	43	6	18	24
	Không tích cực	5	4	9	4	5	9
	Tổng	60	61	121	46	50	96
	X^2	6,752			8,122		
12	Rất tích cực	24	14	38	19	10	29
	Tích cực	22	23	45	25	17	42
	Bình thường	11	22	33	13	26	39
	Không tích cực	4	6	10	4	4	8
	Tổng	61	65	126	61	57	118
	X^2	6,600			8,524		

không tích cực học tập của NTN và NĐC không có khác biệt đáng kể. Kết quả tính X^2 so sánh giữa nam NTN và nam NĐC là 3,943, so sánh giữa nữ NTN và nữ NĐC là 1,896. Với độ tự do bằng 3 và $p = 0,05$, tra bảng X^2 được $X^2_{bảng} = 7,815$. $X^2_{bảng} > X^2_{tính}$ ở tất cả các nhóm so sánh. Như vậy, trước TN không có sự khác biệt về thái độ học tập môn Thể dục của HS NTN và NĐC thuộc khối 12 với $p > 0,05$.

2.4.2. So sánh thái độ học tập môn Thể dục của NTN và NĐC sau TN

Kết quả so sánh thái độ học tập môn Thể dục của NTN và NĐC sau TN ở bảng 5 cho thấy:

So sánh thái độ học tập môn Thể dục của HS khối 10: NTN có số HS rất tích cực và tích cực học tập tăng cao hơn hẳn NĐC (nam NTN là 45 so với 28 của NĐC; nữ NTN là 33 so với 21 của NĐC), số HS bình thường và không tích cực của NTN giảm nhiều còn lại ít hơn rõ rệt so với NĐC. $X^2_{tính}$ của nam NTN và nam NĐC là 8,387, của nữ NTN và nữ NĐC là 7,921 đều lớn hơn $X^2_{bảng} = 7,815$ với độ tự do bằng 3 và $p = 0,05$. Như vậy, sau TN, NTN có nhiều HS rất tích cực và tích cực hơn NĐC một cách rõ rệt, khác biệt có ý nghĩa thống kê ở ngưỡng xác suất $p < 0,05$.

So sánh thái độ học tập môn Thể dục của HS khối 11: các số liệu tại bảng 4 cho thấy, nam NTN có nhiều HS rất tích cực và tích cực hơn nam NĐC, tuy nhiên, $X^2_{tính}$ của nam NTN và nam NĐC là 6,752 thấp hơn so với $X^2_{bảng} = 7,815$, là sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê với $p > 0,05$. $X^2_{tính}$ của nữ NTN và nữ NĐC là 8,122 $> X^2_{bảng} = 7,815$, thái độ học tập của nữ NTN tích cực hơn nữ NĐC, khác biệt có ý nghĩa thống kê ở ngưỡng xác suất $p < 0,05$.

So sánh thái độ học tập môn Thể dục của HS khối

12: các số liệu tại bảng 4 cho thấy, nam NTN có nhiều HS rất tích cực và tích cực hơn nam NĐC, tuy nhiên, $X^2_{tính}$ của nam NTN và nam NĐC là 6,752 thấp hơn so với $X^2_{bảng} = 7,815$, là sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê với $p > 0,05$. $X^2_{tính}$ của nữ NTN và nữ NĐC là 8,122 $> X^2_{bảng} = 7,815$, thái độ học tập của nữ NTN tích cực hơn nữ NĐC, khác biệt có ý nghĩa thống kê ở ngưỡng xác suất $p < 0,05$.

3. KẾT LUẬN

Về thực trạng thái độ học tập môn Thể dục của HS: 42,40% HS nam và 43,54% HS nữ yêu thích môn học Thể dục; 12,8% HS nam và 15,48% HS nữ không yêu thích học thể dục. Trung bình có 15,04% HS có thái độ rất tích cực, 27,88% tích cực, 43,06% bình thường và 14,02% không tích cực trong môn học Thể dục.

Đề tài đã lựa chọn được 02 nhóm giải pháp nhằm nâng cao thái độ học tập của HS bao gồm: (1) đổi mới khâu chuẩn bị của giáo viên trước khi tiến hành giờ dạy thực hành TDTT; (2) lựa chọn và sử dụng các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo hướng tích cực hóa hoạt động học tập của HS.

- Thông qua TN, HS NTN đã có chuyển biến tích cực hơn NĐC về thái độ học tập môn Thể dục. Số HS tích cực, chủ động trong học tập tăng lên nhiều hơn, trong khi số HS chưa tích cực lại giảm nhiều hơn rõ rệt so với NĐC, khác biệt có ý nghĩa thống kê ở ngưỡng xác suất $p < 0,05$. Kết quả TN đã chứng minh các giải pháp sư phạm đã được lựa chọn và ứng dụng là phù hợp với thực tiễn GDTC hiện nay ở các trường THPT tỉnh Sơn La.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Bí Thư Trung Ương Đảng Cộng Sản Việt Nam (1994), *Chỉ thị số 36-CT/TW về công tác TDTT trong giai đoạn mới*, Nxb Sự Thật, Hà Nội.
 2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (1993), *Quy chế về công tác GDTC trong nhà trường các cấp (Ban hành kèm theo quyết định 93/QĐ/RLTT ngày 29/4/1993 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục)*.
 3. Vũ Cao Đàm (2000), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
 4. Bùi Quang Hải (2007), *Nghiên cứu sự phát triển thể chất của HS một số tỉnh phía Bắc bằng phương pháp quan sát dọc*, Luận án tiến sĩ Giáo dục học, Viện Khoa học TDTT, Hà Nội.
 5. Trần Thanh Tùng (2007), *"Nghiên cứu một số biện pháp nhằm nâng cao hứng thú trong giờ học GDTC chính khóa của sinh viên trường Đại học Hà Nội"*, Luận văn thạc sĩ, trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- Nguồn bài báo: được trích từ đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường "Giải pháp nâng cao thái độ tích cực học tập môn Thể dục cho HS trong các trường trung học phổ thông tỉnh Sơn La" của tác giả Nguyễn Bá Điệp, năm 2017.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 25/8/2018; ngày phản biện đánh giá: 2/11/2018; ngày chấp nhận đăng: 6/12/2018)